TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21-6-2019
V/v ly hôn giữa chị A và anh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Hà Bắc;

2. Bà Nguyễn Thị Hoan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lự, Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên toà*:* Bà Ngô Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 571/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2019/QĐXX-ST ngày 14 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị A, sinh năm 1978 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: N, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/12/2018 bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Trần Thị A trình bày: Chị và anh Nguyễn Hữu T kết hôn năm 1996 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một thời gian dài, đến đầu năm 2010 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T đi theo người phụ nữ khác không quan tâm đến vợ, con. Kể từ tháng 12/2015 anh T bỏ nhà đi đâu chị không biết, thi thoảng có gọi điện về cho các con, vợ chồng chị đã sống ly

thân từ đó cho đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị có 02 con chung là Nguyễn Hữu Quang, sinh năm 1997 và Nguyễn Nguyễn Thị Khánh Duyên, sinh năm 2004. Hiện cháu Quang đã trưởng thành, cháu Duyên khỏe mạnh phát triển bình thường và hiện đang ở với chị. Ly hôn chị đề nghị được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Hiện nay chị đang làm việc tại khu công nghiệp Vân Trung, huyện Việt Yên, thu nhập mỗi tháng 8 triệu đồng đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị A có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử công bố lời khai của chị A.

Bị đơn anh Nguyễn Hữu T có hộ khẩu thường trú tại xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang, đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng trên các phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết theo đúng quy định của pháp luật, nhưng anh T không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến, quan điểm và chứng cứ cung cấp, giao nộp cho Toà án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tại phiên tòa, anh T vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự, chị A chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình và có đơn xin xét xử vắng mặt. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình, các Điều 147, 227, 228, 271, 272 và 273 BLTTDS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử cho chị A được ly hôn với anh T

Về con chung: Giao cho chị Trần Thị A trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Khánh Duyên, sinh năm 2004. Cấp dưỡng nuôi con chị A không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản và công nợ các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Ngoài ra còn đề xuất về án phí và quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]*Về tố tụng*: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng bằng hình thức thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết đối với

anh T nhưng anh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa, chị A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 và Điều 238 của BLTTDS xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị A và anh T kết hôn năm 1996 có đăng ký tại UBND xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, nên hôn nhân giữa chị A và anh T là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên chị A anh T đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, cắt đứt quan hệ tình cảm và kinh tế. Nay chị A xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên chị khởi kiện xin ly hôn anh T. Quá trình giải quyết vụ án anh T không có ý kiến gì. Điều đó chứng tỏ cuộc sống vợ chồng giữa chị A và anh T đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị A được ly hôn anh T.

[3] *Về nuôi con chung:* Vợ chồng chị A anh T có 02 con chung là Nguyễn Hữu Quang, sinh năm 1997 và Nguyễn Nguyễn Thị Khánh Duyên, sinh năm 2004 hiện cháu Quang đã trưởng thành, còn cháu Duyên chưa đủ 18 tuổi, chị A đề nghị được nuôi con và đủ điều kiện để nuôi con, cháu Duyên cũng có nguyện vọng được ở với chị A nên cần căn cứ các Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Duyên cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Anh T có quyền thăm nom con chung và quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Chị A không đề nghị anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản và công nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị A phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 227, 228, 238, khoản 4 Điều 147, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. T xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị A và anh Nguyễn Hữu T.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Khánh Duyên, sinh năm 2004. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

3.Về án phí: Chị A phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2017/0003625 ngày 14/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Báo cho các đương sự vắng mặt tại phiên tòa biết, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã K, L;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Thị Thu Thủy

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi … giờ … phút, ngày 23 tháng 3 năm 2018.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Từ Minh Hải và bà Nguyễn Thị Hoan.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 489/2017/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung, giữa:

Nguyên đơn: Anh Vũ Chí Thành, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn Húi, xã Đan Hội, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Chị Phùng Thị Linh, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn Húi, xã Đan Hội, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 227, 228 khoản 4 Điều 147, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. T xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Vũ Chí Thành và chị Phùng Thị Linh.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Về nuôi con chung: Giao cho anh Vũ Chí Thành trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Chí Đạt, sinh năm 2004. Chị Linh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Linh thực hiện quyền này.

Kết quả biểu quyết: 3/3

3.Về án phí: Anh Thành phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2017/0002841 ngày 16/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày T án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi … giờ … phút, ngày 23 tháng 3 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Từ Minh Hải **Nguyễn Thị Hoan** **Tạ Thị Thu Thủy**